

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Quý II năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		992.297.752.814	1.191.983.061.305
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	36.566.623.224	29.693.630.393
1. Tiền	111		36.566.623.224	29.693.630.393
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		601.112.412.009	688.404.360.427
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	213.294.899.245	275.146.921.633
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	9.190.991.099	39.698.475.259
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	378.544.560.128	373.472.393.355
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		81.961.537	86.570.180
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	335.909.698.383	455.674.496.002
1. Hàng tồn kho	141		335.909.698.383	456.500.310.247
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(825.814.245)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		18.709.019.198	18.210.574.483
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	6.692.972.059	4.719.585.638
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	11.163.189.864	11.802.114.165
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	852.857.275	1.688.874.680
B. Tài sản dài hạn	200		485.179.250.711	354.944.063.977
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		203.302.200.430	92.130.585.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	203.302.200.430	92.130.585.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		132.326.095.590	131.728.280.123
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	47.497.866.005	46.912.631.367
- Nguyên giá	222		79.473.246.185	76.043.268.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.975.380.180)	(29.130.637.025)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.828.229.585	84.815.648.756
- Nguyên giá	228		85.521.269.623	85.416.269.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(693.040.038)	(600.620.867)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		31.422.931.935	30.964.112.425
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	31.422.931.935	30.964.112.425
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		22.692.230.041	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	22.692.230.041	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		95.435.792.715	100.121.085.930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	8.726.538.171	8.848.186.411
2. Lợi thế thương mại	269	V.07	86.709.254.544	91.272.899.519
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.477.477.003.525	1.546.927.125.282

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		946.034.886.208	1.014.422.780.323
I. Nợ ngắn hạn	310		843.323.800.071	1.011.727.006.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	128.363.123.322	99.092.129.554
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	51.139.663.775	43.013.942.470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	7.410.683.095	11.268.245.296
4. Phải trả người lao động	314		7.294.612.680	17.286.662.571
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.757.456.478	2.413.809.706
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	33.528.487.080	43.068.717.665
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	610.458.337.053	791.921.122.336
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.371.436.588	3.662.376.588
II. Nợ dài hạn	330		102.711.086.137	2.695.774.137
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	100.000.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.711.086.137	2.695.774.137
D. Vốn chủ sở hữu	400		531.442.117.317	532.504.344.959
I. Vốn chủ sở hữu	410		531.442.117.317	532.504.344.959
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	455.399.680.000	455.399.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.399.680.000	455.399.680.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	4.367.682.760	4.351.560.692
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.19	1.215.200.961	1.199.078.892
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	44.604.122.422	43.217.049.102
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.216.641.493	4.657.127.203
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.387.480.929	38.559.921.899
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.20	25.855.431.174	28.336.976.273
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.477.477.003.525	1.546.927.125.282

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1.028.026.167.187	1.498.537.318.036	2.158.382.578.770	2.945.163.868.933
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		10.593.998.109	6.754.545.455	40.703.839.928	10.250.308.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.017.432.169.078	1.491.782.772.581	2.117.678.738.842	2.934.913.560.205
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	971.805.988.031	1.402.344.847.777	2.000.798.277.295	2.744.567.370.049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.626.181.047	89.437.924.804	116.880.461.547	190.346.190.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	49.254.615.204	174.831.112	49.426.331.589	256.044.414
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	12.568.480.318	10.832.754.205	25.028.419.408	20.726.146.452
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.568.480.318	10.832.754.205	25.028.419.408	20.726.146.452
8. Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	24		(2.541.429.553)	-	(2.541.429.553)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	43.095.943.392	48.357.390.141	81.354.932.118	96.545.968.685
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	30.232.163.861	23.021.646.139	49.446.781.357	43.863.502.818
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.442.779.127	7.400.965.432	7.935.230.700	29.466.616.615
12. Thu nhập khác	31	VI.07	1.036.327.380	17.471.346.317	1.563.107.598	30.231.686.724
13. Chi phí khác	32	VI.08	943.461.851	1.092.934.771	1.372.846.292	1.995.976.721
14. Lợi nhuận khác	40		92.865.529	16.378.411.546	190.261.306	28.235.710.003
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.535.644.656	23.779.376.977	8.125.492.006	57.702.326.618
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	6.452.588.228	4.458.826.142	7.586.165.459	9.026.637.396
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.056.428	19.320.550.835	539.326.547	48.675.689.222
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		563.258.208	17.072.631.080	1.062.921.169	42.160.618.329
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(480.201.780)	2.247.919.755	(523.594.622)	6.515.070.893
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	12	217	23	536
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	12	217	23	536

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.125.492.006	57.702.326.618
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.835.024.910	5.843.742.606
Các khoản dự phòng	03	(825.814.245)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(40.098.704.380)	(211.560.206)
Chi phí lãi vay	06	25.028.419.408	20.726.146.452
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(935.582.301)	84.060.655.470
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	11.209.615.599	(247.166.712.239)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	120.590.611.864	(204.926.576.421)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	112.396.274.375	130.588.717.269
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	2.711.906.794	(62.700.823.573)
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.028.419.408)	(20.726.146.452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.233.474.855)	(15.610.651.336)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(290.940.000)	(398.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	212.419.992.068	(336.880.037.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.890.271.176)	(25.939.349.628)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.277.335.086	6.201.818.181
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(16.500.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.410.136	256.044.414
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.099.525.954)	(19.481.487.033)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	216.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.517.472.699.205	2.255.424.292.081
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.698.920.172.488)	(2.112.117.415.293)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(239.710.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(181.447.473.283)	359.067.166.372
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.872.992.831	2.705.642.058
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.693.630.393	29.209.095.924
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	36.566.623.224	31.914.737.982

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 ngày 16/7/2019 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSDC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 455.399.680.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 30/6/2020: 455.399.680.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-005.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 04 đặt tại 12 đường số 9, Khu phố 1, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-006.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (dịch vụ cứu hộ cứu nạn);
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, quận 2, TPHCM	Thương mại và dịch vụ	98,53%	98,53%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	73,00%	73,00%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng	Thương mại và dịch vụ	95,00%	95,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính quý II năm 2020. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động cũng được trích lập với tỷ lệ là 25%, 4,5%, 2% và 0,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chủ bằng đồng tiền khác)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.849.173.589	1.568.393.109
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	672.111.878	756.642.613
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	389.083.316	194.286.866
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	240.805.389	300.747.738
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	1.547.173.006	316.715.892
Tiền gửi ngân hàng	33.717.449.635	28.125.237.284
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	12.637.469.526	9.546.152.907
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	1.078.067.905	1.766.606.137
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	2.842.670.650	1.344.611.274
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	17.159.241.554	15.467.866.966
Cộng	36.566.623.224	29.693.630.393

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2.	Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
	- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	213.294.899.245	259.919.058.989		
	- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	-	15.227.862.644		
	Cộng	213.294.899.245	275.146.921.633		
3.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
	- Công Ty TNHH Minh Long	8.290.441.025	544.385.099		
	- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	24.302.519	17.785.380.919		
	- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	876.247.555	21.368.709.241		
	Cộng	9.190.991.099	39.698.475.259		
4.	Phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
a)	Phải thu khác ngắn hạn				
	- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	50.444.009.492	48.285.976.231		
	- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	54.548.183.004	87.766.183.004		
	- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	53.317.223.408	125.356.415.958		
	- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	-	4.732.073.614		
	- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Trident Auto	6.000.000.000	3.000.000.000		
	- Phải thu cá nhân tiền chuyển nhượng cổ phần	72.000.000.000	-		
	- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	53.800.000.000	81.900.000.000		
	- Phải thu khác từ ông Nguyễn Đăng Hoàng	-	1.187.023.000		
	- Phải thu khác từ cá nhân là bên liên quan	-	1.909.676.971		
	- Các khoản tạm ứng nhân viên	6.088.102.619	8.212.415.089		
	- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	70.000.000.000	-		
	- Ký quỹ ngắn hạn khác	1.280.772.926	2.405.334.560		
	- Các khoản phải thu khác	11.066.268.679	8.717.294.928		
	Cộng	378.544.560.128	373.472.393.355		
b)	Phải thu khác dài hạn				
	- Ký quỹ thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long thời hạn 10 năm	55.574.397.357	-		
	- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	141.732.000.000	84.434.102.400		
	- Ký quỹ dài hạn khác	5.995.803.073	7.696.483.099		
	Cộng	203.302.200.430	92.130.585.499		
5.	Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	- Công cụ dụng cụ	18.733.433	-	113.262.064	-
	- Chi phí sản xuất dở dang	7.448.797.794	-	4.621.710.471	-
	- Hàng hóa (5.1)	328.442.167.156	-	451.765.337.712	(825.814.245)
	Cộng	335.909.698.383	-	456.500.310.247	(825.814.245)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chủ bằng đồng tiền khác)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:		
Xe các loại	284.256.100.767	402.316.723.631
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	61.284.690.914	162.739.699.983
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	36.668.690.913	12.281.740.907
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	21.821.727.265	30.620.677.272
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	164.480.991.675	196.674.605.469
Phụ tùng, phụ kiện	44.186.066.389	49.448.614.081
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	17.007.298.683	22.792.893.644
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	16.778.351.787	14.915.023.685
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	7.055.237.325	7.753.472.791
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	3.345.178.594	3.987.223.961
Cộng	328.442.167.156	451.765.337.712
Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
- Số dư đầu năm		(825.814.245)
- (Trích lập)/hoàn nhập dự phòng		825.814.245
- Số dư cuối kỳ		-
6. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.025.727.900	1.055.434.220
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	453.956.444	567.047.327
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	5.213.287.715	3.097.104.091
Cộng	6.692.972.059	4.719.585.638
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.138.481.629	3.562.075.532
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	3.588.056.542	5.286.110.879
Cộng	8.726.538.171	8.848.186.411
7. Lợi thế thương mại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất	97.164.208.355	97.164.208.355
Lợi thế thương mại đã phân bổ	(10.454.953.811)	(5.891.308.836)
Cộng	86.709.254.544	91.272.899.519



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	13.872.784.840	1.740.483.640	-	15.613.268.480
Máy móc, thiết bị	24.263.453.337	2.297.207.781	348.000.000	26.212.661.118
Phương tiện vận tải	36.451.752.507	8.102.614.910	10.584.695.538	33.969.671.879
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.455.277.708	2.222.367.000	-	3.677.644.708
Cộng	76.043.268.392	14.362.673.331	10.932.695.538	79.473.246.185
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.775.325.645	931.464.955	-	9.706.790.600
Máy móc, thiết bị	11.636.512.226	2.034.903.603	-	13.671.415.829
Phương tiện vận tải	7.842.288.673	3.639.209.077	3.897.862.584	7.583.635.166
Thiết bị, dụng cụ quản lý	876.510.481	137.028.104	-	1.013.538.585
Cộng	29.130.637.025	6.742.605.739	3.897.862.584	31.975.380.180
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.097.459.195			5.906.477.880
Máy móc, thiết bị	12.626.941.111			12.541.245.289
Phương tiện vận tải	28.609.463.834			26.386.036.713
Thiết bị, dụng cụ quản lý	578.767.227			2.664.106.123
Cộng	46.912.631.367			47.497.866.005

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	1.393.795.000	105.000.000	-	1.498.795.000
Cộng	85.416.269.623	105.000.000	-	85.521.269.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	600.620.867	92.419.171	-	693.040.038
Cộng	600.620.867	92.419.171	-	693.040.038
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	793.174.133			805.754.962
Cộng	84.815.648.756			84.828.229.585

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	-	2.949.452.999
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty CP Auto Bình Phước	31.422.931.935	23.879.880.700
- Chi phí xây dựng showroom - Công ty Truck & Bus Trường Chinh	-	4.121.824.181
- Chi phí khác	-	12.954.545
Cộng	31.422.931.935	30.964.112.425

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản đầu tư tài chính

DVT: ngàn đồng

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty liên kết	25.500.000	22.692.230	-	-	-	-
Cộng	25.500.000	22.692.230	-	-	-	-

Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo cam kết	Giá gốc tại ngày 30/6/2020	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư	Giá trị khoản đầu tư theo PP vốn chủ sở hữu
- Công ty CP Truck & Bus Trường Chinh	45,13%	25.500.000.000	(2.807.769.959)	22.692.230.041
Cộng				22.692.230.041

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Truck & Bus Trường Chinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315546603 ngày 07/3/2019 với vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2020, nhóm Công ty đã góp 2.550.000 cổ phần tương đương 45,13% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Truck & Bus Trường Chinh.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	17.609.281.969	17.609.281.969	7.349.929.348	7.349.929.348
- Công ty TNHH Minh Long	8.492.034.500	8.492.034.500	10.486.379.921	10.486.379.921
- Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam	81.735.395.366	81.735.395.366	50.303.186.238	50.303.186.238
- Công ty CP TD Tân Thành Đô	5.655.541.053	5.655.541.053	11.255.110.408	11.255.110.408
- Công ty Hyundai Thành Công TM	-	-	1.962.210.000	1.962.210.000
- Các đối tượng khác	14.870.870.434	14.870.870.434	17.735.313.639	17.735.313.639
Cộng	128.363.123.322	128.363.123.322	99.092.129.554	99.092.129.554

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công Ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô	-	970.866.650
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	51.139.663.775	42.043.075.820
Cộng	51.139.663.775	43.013.942.470

14. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

a) Phải nộp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	174.743.021	2.738.290.081
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.012.687.661	8.233.474.855
- Thuế thu nhập cá nhân	223.252.413	296.480.360
Cộng	7.410.683.095	11.268.245.296
b) Phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	11.163.189.864	11.802.114.165
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư)	813.120.026	1.688.874.680
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)	39.737.249	-
Cộng	12.016.047.139	13.490.988.845

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	446.077.590	804.006.082
- Chi phí phải trả khác	1.311.378.888	1.609.803.624
Cộng	1.757.456.478	2.413.809.706
16. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.798.772.987	1.460.670.379
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.042.349.520	-
- Tài sản thừa chờ xử lý	468.710.129	468.710.129
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	1.442.516.470	1.870.356.000
- Phải trả Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tân Thành Đô	6.370.857.805	6.748.293.447
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	1.120.000.000	1.320.000.000
- Phải trả cổ tức cho các cổ đông khác	639.268.991	2.105.427.560
- Phải trả tiền chuyển nhượng cổ phần	6.100.000.000	14.098.000.000
- Phải trả các cá nhân là bên liên quan	2.409.167.810	3.181.659.997
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	-	1.350.061.500
- Các khoản phải trả khác	12.136.843.368	10.465.538.653
Cộng	33.528.487.080	43.068.717.665
b) Dài hạn		
- Phải trả Ông Bùi Đức Thọ	100.000.000.000	-
Cộng	100.000.000.000	-

Khoản mượn dài hạn từ Ông Bùi Đức Thọ theo Hợp đồng cho mượn tiền số 03/2020CTF ngày 18/6/2020, mục đích bổ sung vốn lưu động với thời hạn 2 năm tính từ ngày hợp đồng. Khoản vay tín chấp và lãi suất thỏa thuận theo từng thời kỳ.

17. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn	791.921.122.336	1.517.472.699.205	1.696.865.860.116	610.458.337.053
- NH Ngoại thương (17.1)	75.374.732.580	85.244.255.646	130.849.595.533	29.769.392.693
- NH Bảo Việt (17.2)	52.306.144.000	142.638.888.000	169.458.664.000	25.486.368.000
- NH Quân đội (17.3)	58.273.694.595	168.054.199.250	169.419.168.850	56.908.724.995
- NH Công Thương (17.4)	13.597.881.450	62.772.296.585	52.578.504.585	23.791.673.450
- NH An Bình (17.5)	176.468.803.250	226.763.494.300	204.488.306.604	198.743.990.946
- NH Xuất nhập khẩu (17.6)	47.884.354.255	168.380.314.750	190.905.431.604	25.359.237.401
- NH VN Thịnh Vượng (17.7)	57.314.228.100	101.431.222.900	93.334.822.450	65.410.628.550
- NH Đầu tư và Phát triển (17.8)	278.339.082.398	370.904.322.410	490.201.417.445	159.041.987.363
- NH Quốc tế (17.9)	25.106.228.500	178.793.609.000	190.949.774.500	12.950.063.000
- NH Hàng hải (17.10)	4.680.174.545	10.935.796.364	4.680.174.545	10.935.796.364
- NH Tiên Phong (17.11)	-	1.554.300.000	-	1.554.300.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ NH Ngoại thương (17.1)	1.515.072.000			-
+ NH Quân đội (17.3)	705.730.663			328.676.291
+ NH An Bình (17.5)	354.996.000			177.498.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
b. Dài hạn		2.695.774.137	-	2.054.312.372	2.711.086.137
- NH Ngoại thương	(17.1)	3.725.760.000	-	1.499.760.000	2.226.000.000
- NH Quân đội	(17.3)	1.013.310.800	-	377.054.372	636.256.428
- NH An Bình	(17.5)	532.502.000	-	177.498.000	355.004.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(2.575.798.663)			(506.174.291)
Cộng		794.616.896.473	1.517.472.699.205	1.698.920.172.488	613.169.423.190

Cho đến ngày 30/6/2020, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(17.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

(17.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2020/ONT ngày 29/3/2020 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn cho vay không quá 03 tháng. Lãi suất vay chỉ tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2018/ONTS ngày 01/02/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 2020/ONT/TS ngày 29/3/2019. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 29.769.392.693 đồng.

(17.1.2) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng sau:

- Số 0419/CVTL-ONT/PTVT ngày 19/4/2019 với số tiền vay là 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Ecosport BKS 79A-234.13 và Raptor 79A-233.57. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, quy định tại hợp đồng thế chấp số 0419/TC-ONT/PTVT ngày 19/4/2019.

- Số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Explorer BKS 79A-260.49. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03 ngày 23/9/2019.

- Số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô Ford Tourneo BKS 79A-277.01. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.

Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 2.226.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 0 đồng.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 1124-2020-HDDTD1- BVB03 ngày 10/01/2020 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 10/01/2021. Lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô nhãn hiệu Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 25.486.368.000 đồng.

(17.3) - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 51913.19.117.2897485.TD ngày 02/12/2019. Hạn mức tín dụng là 185 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/11/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 45.822.031.595 đồng.

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 52610.19.117.5943003.TD ngày 02/12/2019. Hạn mức tín dụng là 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ kinh doanh xe ô tô Hyundai. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/11/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước (công ty con của Công ty CP Auto Trường Chinh) vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 11.086.693.400 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 5815.19.117.2897485.TD ngày 28/02/2019. Số tiền vay là 967.561.600 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51G-79458. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản.
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay trung hạn số 38288.19.117.2897485.TD ngày 17/9/2019. Số tiền vay là 605.175.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-116.00. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản.
- Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 636.256.428 đồng.

(17.4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0807/2019/HĐCVHM/NHCT924-ATT ngày 19/8/2019. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 5.599.023.750 đồng.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số LINHND5-001/2020-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 12/02/2020. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VNĐ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/12/2020, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp số: LINHND5-H2/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP và LINHND5-H1/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP. Khoản vay này do Công ty CP Auto Bình Phước vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 18.192.649.700 đồng.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP.HCM theo các hợp đồng:

- Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 1266/19/TD/I ngày 11/6/2019 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh; bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM với giá trị là 120.838.000.000 đồng, chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 1266/19/TCSP/I ngày 11/6/2019; hàng hóa là xe ô tô Ford các loại. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 152.109.136.000 đồng.
- Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2288/19/TD/I ngày 17/9/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số SĐBS.01-2288/19/TD/I ngày 04/12/2019, hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 17/9/2020, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 46.634.854.946 đồng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:
 - Hàng hóa hình thành từ vốn vay theo các Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh;
 - 2.760.000 cổ phiếu Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Ông Trần Ngọc Dân theo Hợp đồng cầm cố số 2288/19/BL/I ngày 17/9/2019.
 - 05 Quyền sử dụng đất tại xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 2288A đến số 2288E/19/BL/I ngày 04/12/2019.
- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng cho vay số 1709/19/TD/I ngày 27/6/2019; số tiền vay là 710.000.000 đồng. Mục đích vay: mua xe Hyundai BS 51H-072.44. Thời hạn vay 24 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 355.004.000 đồng.

(17.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các hợp đồng sau:

- Số 1007-LAV-200021378 ngày 17/3/2020 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 7.587.360.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/6/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Số LAV190119929/1403 ngày 12/11/2019 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 17.771.877.401 đồng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hạn mức số SME/EPL/19/0025/HDHM ngày 17/10/2019 với tổng hạn mức vay là 70 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 59.649.869.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số SME/TDC/19/0091/HDHM ngày 14/6/2019. Hạn mức tín dụng là 95 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 5.760.759.550 đồng.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Số 01/2019/4528578/HĐTD ngày 22/8/2019 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 24.677.933.035 đồng.

- Số 01/2019/11402179/HĐTD ngày 25/10/2019 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa là xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 89.849.389.353 đồng.

- Số 01/2019/8943817/HĐTD ngày 15/7/2019. Hạn mức tín dụng 400 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP Auto Trường Chinh vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 44.514.664.975 đồng.

(17.9) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 8225717.20 ngày 03/6/2020 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay; xe ô tô Ford tồn kho mới 100%. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2020 là 12.950.063.000 đồng.

(17.10) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Hàng hải theo hợp đồng số 216/2019/HĐTD ngày 06/12/2019 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 10.935.796.364 đồng.

(17.11) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Nha Trang theo hợp đồng tín dụng số 235/2020/TPB-NTG ngày 26/5/2020 với hạn mức tín dụng là 50 tỷ đồng. Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng. Thời hạn cho vay không quá 04 tháng. Lãi suất vay chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: xe ô tô hiệu Ford có sẵn trong kho mới 100%, xe ô tô hiệu Ford hình thành từ vốn vay. Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2020 là 1.554.300.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
18. Quỹ khen thưởng phúc lợi		
Số dư đầu năm	3.662.376.588	3.821.875.418
Giảm do chi quỹ	(290.940.000)	(398.500.000)
Tăng do hợp nhất	-	916.053.897
Số dư cuối kỳ	3.371.436.588	4.339.429.315

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2019	Tăng	Giảm	30/06/2019
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	216.000.000.000	-	396.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	8.751.560.692	-	-	8.751.560.692
- Quỹ khác	1.199.078.892	-	-	1.199.078.892
- LNST chưa phân phối	59.715.620.402	42.160.618.329	-	101.876.238.731
Cộng	249.666.259.986	258.160.618.329	-	507.826.878.315
	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/06/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	-	-	455.399.680.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.351.560.692	16.122.068	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.199.078.892	16.122.069	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	43.217.049.102	1.387.480.929	407.609	44.604.122.422
Cộng	504.167.368.686	1.419.725.066	407.609	505.586.686.143

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	43.217.049.102	59.715.620.402
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	1.062.921.169	42.160.618.329
- Lợi nhuận tăng (giảm) từ thoái vốn tại Công ty con	324.559.760	-
- Tăng/(giảm) khác	(407.609)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	44.604.122.422	101.876.238.731

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11 ngày 16/7/2019 là 455.399.680.000 đồng tương đương 45.539.968 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.539.968	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.539.968	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông	45.539.968	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.539.968	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông	45.539.968	45.539.968
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25.902.000.000	25.902.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	775.714.492	9.747.206.598
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(630.234.352)	(2.658.310.162)
+ Tăng (giảm) lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ chuyển nhượng cổ phần	(324.559.760)	(4.731.924.045)
+ Trích lập các quỹ	132.510.794	78.003.882
Cộng	25.855.431.174	28.336.976.273

21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	976.960.291.753	1.440.473.346.591
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.065.875.434	58.063.971.445
Cộng	1.028.026.167.187	1.498.537.318.036
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	38.272.727	2.704.545.454
Hàng bán bị trả lại	10.555.725.382	4.050.000.001
Cộng doanh thu thuần	1.017.432.169.078	1.491.782.772.581
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	957.542.089.317	1.404.697.003.632
Doanh thu bán phụ tùng	8.824.204.327	29.021.797.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.117.033.702	56.288.015.142
Doanh thu khác	948.841.732	1.775.956.303
Cộng	1.017.432.169.078	1.491.782.772.581
 2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	 Quý II năm 2020	 Quý II năm 2019
- Giá vốn xe đã bán	924.889.038.972	1.350.899.746.609
- Giá vốn hàng hóa đã bán	5.706.843.895	25.393.384.539
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	42.035.919.409	26.051.716.629
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	(825.814.245)	-
Cộng	971.805.988.031	1.402.344.847.777

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Lãi tiền gửi ngân hàng	13.410.136	174.831.112
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	37.538.049	-
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	42.000.000.000	-
- Lãi từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư	295.106.214	-
- Lãi từ khoản ký quỹ	6.908.560.805	-
Cộng	49.254.615.204	174.831.112
4. Chi phí tài chính	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Chi phí lãi vay	12.568.480.318	10.832.754.205
Cộng	12.568.480.318	10.832.754.205
5. Chi phí bán hàng	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Chi phí nhân viên	16.418.057.505	24.081.960.809
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.686.634.680	1.487.495.062
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.158.574.445	10.802.043.415
- Chi phí bằng tiền khác	16.832.676.762	11.985.890.855
Cộng	43.095.943.392	48.357.390.141
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Chi phí nhân viên quản lý	6.957.027.013	9.235.549.302
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.763.391.935	1.378.055.549
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.413.910.449	1.318.074.151
- Lợi thế thương mại phân bổ	2.134.539.767	1.463.823.427
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.731.378.823	8.414.568.405
- Chi phí bằng tiền khác	2.231.915.874	1.211.575.305
Cộng	30.232.163.861	23.021.646.139
7. Thu nhập khác	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	610.904.104	-
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, bán hàng từ nhà cung cấp	78.087.747	11.744.942.644
- Hỗ trợ chi phí hoạt động/(hoàn nhập)	(649.616.439)	5.650.695.979
- Thu nhập khác	996.951.968	75.707.694
Cộng	1.036.327.380	17.471.346.317
8. Chi phí khác	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định/(Hoàn nhập lỗ kỳ trước)	-	(150.820.496)
- Chi phí phạt thuế, thuế truy thu	247.015.789	71.691.344
- Chi phí khác	696.446.062	1.172.063.923
Cộng	943.461.851	1.092.934.771

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	-	1.761.080.630
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	-	1.174.340.803
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN - Công ty CP ô tô Nha Trang	-	381.538.704
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN - Công ty CP Auto Trường Chinh	6.452.588.228	1.141.866.005
Cộng	6.452.588.228	4.458.826.142
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.056.428	19.320.550.835
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(480.201.780)	2.247.919.755
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	563.258.208	17.072.631.080
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	563.258.208	17.072.631.080
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.539.968	37.415.730
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12	456
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	563.258.208	17.072.631.080
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	563.258.208	17.072.631.080
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	45.539.968	37.415.730
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	45.539.968	37.415.730
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	12	456
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý II năm 2020	Quý II năm 2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	971.805.988.031	1.402.344.847.777
- Chi phí nhân công	23.375.084.518	33.317.510.111
- Chi phí khấu hao	3.394.066.980	2.805.569.213
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.889.953.268	19.216.611.820
- Chi phí khác	22.669.002.487	16.039.345.136
Cộng	1.045.134.095.284	1.473.723.884.056

603
FY
AN
UTO
+0 Cx

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/06/2020

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số tiền	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	(165.800.000)	(901.800.000)
Ông Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc	-	1.909.676.971
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	(2.243.367.810)	(2.279.859.997)

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Công ty đang thực hiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 20/2020/NQ-ĐHĐCĐ-CTF ngày 27/6/2020. Theo đó, tỷ lệ trả cổ tức năm 2019 tạm tính là 9% vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Lê Thị Phú

Người lập biểu

Ngày 28 tháng 07 năm 2020

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Trung Chánh

Tổng Giám đốc

